*Dự thảo*

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2019/TT-NHNN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc**

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, liên tịch ban hành**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, liên tịch ban hành.*

 **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật**

 Bãi bỏ toàn bộ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, liên tịch ban hành sau đây:

1. Thông tư số 03/1997/TT-NH2 ngày 14/07/1997 hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ cho thuê tài chính;
2. Thông tư liên tịch số 04/1998/TTLT-BTS-BKHĐT-BTC-NHNN ngày 17/12/1998 hướng dẫn về việc quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và tàu dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ;
3. Quyết định số 237/1999/QĐ-NHNN8 ngày 08/07/1999 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Ngân hàng Nhà nước;
4. Quyết định số 296/2000/QĐ-NHNN1 ngày 06/9/2000 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
5. Quyết định số 440/2000/QĐ-NHNN1 ngày 10/10/2000 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng
6. Quyết định số 64/2000/QĐ-NHNN1 ngày 02/11/2000 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
7. Quyết định số 495/2000/QĐ-NHNN1 ngày 30/11/2000 về số ngày tính lãi 1 năm đối với tiền gửi và cho vay bằng đô la Mỹ;
8. Quyết định số 500/2000/QĐ-NHNN1 ngày 05/12/2000 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
9. Quyết định số 85/2001/QĐ-NHNN ngày 31/01/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
10. Quyết định số 154/2001/QĐ-NHNN ngày 27/02/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
11. Quyết định số 37/2001/QĐ-NHNN ngày 28/3/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
12. Quyết định số 557/2001/QĐ-NHNN ngày 26/4/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
13. Quyết định số 703/2001/QĐ-NHNN ngày 24/5/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
14. Quyết định số 836/2001/QĐ-NHNN ngày 28/6/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
15. Quyết định số 1078/2001/QĐ-NHNN ngày 27/8/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
16. Quyết định 1247/2001/QĐ-NHNN ngày 28/9/2001 công bố lãi suất cơ bản làm cơ sở cho tổ chức tín dụng ấn định lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;
17. Quyết định số 893/2001/QĐ-NHNN ngày 17/7/2001 thực hiện nghiệp vụ hoán đổi giữa Ngân hàng nhà nước với các ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn bằng đồng Việt Nam cho các ngân hàng;
18. Quyết định số 1033/2001/QĐ-NHNN ngày 15/8/2001 điều chỉnh tỷ giá Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi bán lại đô la Mỹ cho các ngân hàng thực hiện nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ theo Quyết định số 893/2001/QĐ-NHNN ngày 17/7/2001 của Thống đốc NHNN về việc thực hiện nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước với các ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn của các ngân hàng;
19. Quyết định số 1289/2001/QĐ-NHNN ngày 11/10/2001 sửa đổi Quyết định số 893/2001/QĐ-NHNN ngày 17/7/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ giữa ngân hàng nhà nước với các ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn bằng đồng Việt Nam cho các ngân hàng;
20. Quyết định số 1379/2001/QĐ-NHNN ngày 02/11/2001 quy chế về trang bị, sử dụng và thanh toán cước phí điện thoại trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước;
21. Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 ban hành Quy định về việc thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại;
22. Quyết định 1390/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại;
23. Quyết định số 1474/2001/QĐ-NHNN ngày 23/11/2001 quy định đối tượng và mức thanh toán cước phí điện thoại công vụ trong các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;
24. Quyết định số 1510/2001/QĐ-NHNN ngày 30/11/2001 huỷ bỏ các quy định về báo cáo kế toán áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước tại chế độ thông tin, báo cáo ban hành theo Quyết định số 516/2000/QĐ-NHNN1 ngày 18/12/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
25. Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT/NHNN-BTP ngày 05/02/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 5/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thủ tục bán tài sản bảo đảm, công chứng, chứng thực văn bản bán tài sản và giao tài sản cho các ngân hàng thương mại theo bản án, quyết định của toà án;
26. Quyết định số 236/2002/QĐ-NHNN ngày 27/03/2002 sửa đổi Điều 13, khoản 1 Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Ngân hàng nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 237/1999/QĐ-NHNN8 ngày 8/7/1999;
27. Thông tư số 05/2002/TT-NHNN ngày 27/9/2002 hướng dẫn việc cho vay vốn đối với người sản xuất, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hoá theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ;
28. Quyết định số 1448/2002/QĐ-NHNN ngày 31/12/2002 sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 1379/2001/QĐ-NHNN ngày 02/11/2001 và Quyết định số 1474/2001/QĐ-NHNN ngày 23/11/2001 của Ngân hàng nhà nước;
29. Thông tư liên tịch số 70/2003/TTLT/BTC-BTS-NHNN ngày 28/7/2003 hướng dẫn xử lý nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển để đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt và tàu dịch vụ đánh bắt hải sản xa bờ theo Quyết định số 89/2003/QĐ-TTg ngày 8/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ;
30. Chỉ thị số 08/2003/CT-NHNN ngày 24/12/2003 nâng cao chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng;
31. Chỉ thị số 04/2004/CT-NHNN ngày 01/4/2004 tăng cường quản lý, giám sát nhằm đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn - hiệu quả - bền vững;
32. Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/04/2004 cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;
33. Chỉ thị số 07/2005/CT-NHNN ngày 08/12/2005 tăng cường công tác dự phòng cho các hệ thống thông tin nghiệp vụ trong ngành Ngân hàng;
34. Quyết định số 1839/2005/QĐ-NHNN ngày 19/12/2005 thu đổi ngân phiếu thanh toán quá thời hạn lưu hành;
35. Thông tư số 02/2006/TT-NHNN ngày 12/4/2006 hướng dẫn việc ký quỹ tại Ngân hàng đối với doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm;
36. Quyết định số 22/2006/QĐ-NHNN ngày 18/05/2006 ban hành Quy chế Phòng cháy và chữa cháy trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước;
37. Quyết định số 31/2006/QĐ-NHNN ngày 18/7/2006 tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người điều hành quỹ tín dụng nhân dân;
38. Quyết định số 45/2006/QĐ-NHNN ngày 11/9/2006 tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành quỹ tín dụng nhân dân;
39. Thông tư liên tịch số 100/2008/TTLT-BTC-BGTVT-BCA-BTP-NHNNVN ngày 06/11/2008 hướng dẫn thi hành Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 146/2007/NĐ-CP ngày 14/9/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
40. Thông tư số 02/2010/TT-NHNN ngày 22/01/2010 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng năm 2010 để mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thông;
41. Thông tư số 31/2011/TT-NHNN ngày 30/9/2011 quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
42. Thông tư số 26/2014/TT-NHNN ngày 16/9/2014 quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng bằng đồng Việt Nam theo Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16 tháng 04 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra.

**Điều 2. Bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành sau đây:

1. Chương 1 đến Chương 3 Quyết định số 1506/2001/QĐ-NHNN ngày 30/11/2001 ban hành Quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm, tiền đình chỉ lưu hành;

2. Điều 6 Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các cơ quan, tổ chức, có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Tổng kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT NHNNVN;- NHNNVN: Ban lãnh đạo NHNNVN, các đơn vị thuộc NHNNVN;- Lưu: VT, PC3.  | **THỐNG ĐỐC** |